

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 118/2019/ DS-ST

Ngày: 25-11-2019

V/v: Chia di sản thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Mi Chan Niê – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2019/TLST-DS ngày 21/6/2019 về việc “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn số **194/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019** giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Bà Trần Thị R, sinh năm 1945

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976

3. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1975

4. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: X đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ x, khu phố y, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai

6. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1973

Địa chỉ: x Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: bà Phạm Thị T.

Địa chỉ: X đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

(Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2019 tại văn phòng công chứng Đắk Lắk)

* *Bị đơn*: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1971; Địa chỉ: x đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình làm việc các đồng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Đình Y (chết ngày 06/02/2003) và bà Trần Thị R, sinh năm 1945. Ông Y và bà R có 6 người con là:

Phạm Đình N sinh năm 1971

Phạm Văn T3 sinh năm 1973

Phạm Văn T1 sinh năm 1975

Phạm Thị T sinh năm 1976

Phạm Anh T2 sinh năm 1980

Phạm Thị Th sinh năm 1991

Vào năm 1999 ông Y và bà R có nhận chuyển nhượng một thửa đất tại số x đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của bà Đình Thị Thanh B, sinh năm 1958 và sống ổn định từ đó cho đến nay. Vào năm 2003 ông Phạm Đình Y qua đời không để lại di chúc, gia đình các anh chị em không thỏa thuận được về việc chia tài sản thừa kế nên đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Đình Y theo pháp luật cho bà Trần Thị R và 06 người con đối với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 23, diện tích 188.8m² tọa lạc tại phường T, thành phố B được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM xxxxx cấp ngày 03/8/2018 và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là của bà Trần Thị R.

Khi nhận được phần tài sản thừa kế các đồng nguyên đơn là ông Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Anh T3, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Th tự nguyện cho lại mẹ là bà Trần Thị R nhận quản lý và sử dụng và bà R là người chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai và buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Đình N trình bày:** ông là con của ông Phạm Đình Y và bà Trần Thị R. Bỏ

ông là ông Phạm Đình Y mất năm 2003 và không để lại di chúc. Mẹ và các em ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế đối với phần tài sản của bố ông để lại bao gồm: $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 23, diện tích 188.8m² tọa lạc tại phường T, thành phố B được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM xxxx cấp ngày 03/8/2018 thì ông đồng ý phân chia. Tuy nhiên việc phân chia thì ông đề nghị được nhận lại căn nhà và đất và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế tài sản.

Ông N tự nguyện chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Phạm Thị T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Trần Thị R, ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Th, ông Phạm Anh T3, ông Phạm Văn T2; chia di sản của cụ Phạm Đình Y theo quy định của pháp luật. Giao cho bà Trần Thị R nhận quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM xxxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/8/2018. Bà Trần Thị R có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Đình N giá trị kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết là tranh chấp về thừa kế tài sản, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú và nhà, đất tranh chấp tại thành phố Buôn Ma Thuột nên thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Phạm Đình Y mất năm 2003, đến ngày 13/6/2019 vợ và các con của ông Y không thỏa thuận được phân chia di sản thừa

kế, do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, theo quy định khoản 1 Điều 623 của bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện của ông Phạm Đình Y thuộc trường hợp còn thời hiệu thừa kế. Do đó việc bà Trần Thị R và các con của ông Y khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là phù hợp, cần chấp nhận.

[2.2] Về người thừa kế theo pháp luật: căn cứ vào giấy khai tử của cụ Phạm Đình Y và giấy khai sinh của 06 người con, và qua thừa nhận của các đương sự, xác định ông Phạm Đình Y và bà Trần Thị R là vợ chồng, trong quá trình chung sống ông bà có 06 người con là: Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Anh T3, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Th, Phạm Đình N. Nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Phạm Đình Y bao gồm: bà R, ông N, ông T1, ông T2, ông T3, bà T, bà Th.

[2.3] Về di sản thừa kế: Qua các tài liệu chứng cứ thu thập và thừa nhận của các đương sự, di sản của cụ Phạm Đình Y để lại: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Trần Thị R (ông Phạm Đình Y chết) đứng tên được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/8/2018, biên bản xem xét thẩm định và định giá của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích 188,8m² tọa lạc tại phường T, thành phố B là tài sản chung của ông Phạm Đình Y và bà Trần Thị R. Trên đất có tài sản gắn liền với đất là nhà móng đá hộc, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần ván, mái lợp tôn thiếc; tường rào và có 01 cây mít, 01 cây bơ. Nhà và đất theo biên bản định giá tài sản ngày 20/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị nhà và đất là 600.000.000 đồng. Nay ông Phạm Đình Y chết không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 612, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự thì ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên là di sản thừa kế của cụ Phạm Đình Y.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế:

Trong di sản thừa kế bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích 188,8m² tọa lạc tại phường T, thành phố B, trong đó bà Trần Thị R được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, còn ½ giá trị thuộc di sản của cụ Phạm Đình Y chia cho bà R và 06 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên mỗi người con của cụ Y được hưởng 1/14 di sản là nhà và đất này.

Di sản thừa kế của cụ Phạm Đình Y gồm: ½ giá trị nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM xxxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/8/2018, (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích 188,8m², tọa lạc tại phường T). Nhận thấy với diện tích quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nếu chia thừa kế cho các đương sự thì không thể chia bằng quyền sử dụng đất theo nguyện vọng của bị đơn ông Phạm Đình N được do nếu chia thì diện tích được chia sẽ dưới mức tối thiểu để tách thửa

theo Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngoài ra trên đất có nhà kiên cố, và các đồng sở hữu ông T1, ông T2, ông T3, bà T, bà Th đều tự nguyện xin nhường lại khối di sản được hưởng cho mẹ là bà Trần Thị R được hưởng. Xét thấy việc nhường quyền hưởng di sản này là tự nguyện, nên cần chấp nhận.

Về trị giá nhà và đất theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá theo tổ tụng dân sự xác định giá thị trường nhà và đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích 188,8m² tọa lạc tại phường T, thành phố B xác định tổng giá trị tài sản là 600.000.000 đồng. Được chia thành 14 phần gồm:

- Bà Trần Thị R sẽ được hưởng 7 phần trong khối tài sản chung + (1 phần trong khối di sản của cụ Ý để lại cho bà + 1 phần của T1 + 1 phần của Th + 1 phần của T2 + 1 phần của T3 + 1 phần của T) = 13 phần

= (600.000.000 đồng/14) x 13 phần = 557.143.000 đồng

- Ông Phạm Đình N được hưởng 1 phần trong khối di sản của cụ Y để lại = 600.000.000 đồng /14 = 42.857.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cũng như phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao đất và nhà gắn liền với đất cho bà Trần Thị R nhận quản lý và sử dụng khối di sản này, buộc bà R có trách nhiệm trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Phạm Đình N số tiền là 42.857.000 đồng.

[3] về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Phạm Thị T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột số tiền là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T tự nguyện chịu số tiền 2.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu nộp án phí thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế, tỉ lệ tương ứng với phần tài sản mà mình được chia.

Ngoài ra bà Trần Thị R - sinh năm 1945, hiện nay 74 tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí quy định bà R được miễn tiền án phí đối với phần bà tài sản bà được hưởng. Đối với 05 phần còn lại bà nhận thay của 05 người con ông T1, bà T, bà Th, ông T2, ông T3 nên bà R phải chịu án phí trên kỷ phần nhận thay này.

Bà Trần Thị R được miễn nộp $\{(557.143.000 \text{ đồng}/13) \times 8\} \times 5\% = 17.143.000$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Còn lại đối với 5 phần của ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị Th, ông Phạm Anh T3, ông Phạm Văn T2, bà Phạm Thị T; bà Trần Thị R nhận và tự nguyện chịu tiền án phí là $\{(557.143.000 \text{ đồng}/13) \times 5\} \times 5\% = 10.714.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn bà Phạm Thị T xác định, số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước khi thụ lý vụ án là do bà đã nộp, bà tự nguyện khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà R phải nộp. Do đó bà Trần Thị R được khấu trừ số tiền 2.928.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2019/0001796, số AA/2019/0001797, số AA/2019/0001792, số AA/2019/0001793, số AA/2019/0001794, số AA/2019/0001795 cùng ngày 20/6/2019. Sau khi khấu trừ bà R còn phải nộp 7.786.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Đình N phải chịu $42.857.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.143.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ: điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị R, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Anh T3, Phạm Thị T, Phạm Thị Th.

- Công nhận di sản thừa kế của cụ Phạm Đình Y để lại gồm: $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích $188,8\text{m}^2$, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM xxxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/8/2018, đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trị giá đất và tài sản trên đất là 600.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường quyền hưởng di sản của Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Anh T3, Phạm Thị T, Phạm Thị Th cho mẹ là bà Trần Thị R được quản lý sử dụng.

- Công nhận và giao cho bà Trần Thị R được quản lý và sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số theo giấy chứng nhận số CM xxxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/8/2018 mang tên Trần Thị R, (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích 188,8m², tọa lạc tại phường T); gắn liền với tài sản trên đất gồm nhà móng đá hộc, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần ván, mái lợp tôn thiếc; tường rào và có 01 cây mít, 01 cây bơ.

Lô đất có tứ cận:

Đông giáp thửa đất số 06

Tây giáp đường hẻm 1x đường N

Nam giáp thửa đất số 8

Bắc giáp thửa đất số 10

- Buộc bà Trần Thị R có trách nhiệm trả lại giá trị phần thừa kế cho ông Phạm Đình N số tiền 42.857.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn*).

- Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu số tiền 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản đã nộp theo phiếu thu số 140 ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Về án phí DSST:

Ông Phạm Đình N phải chịu 2.143.000 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị R được miễn nộp 17.143.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị R phải chịu 10.714.000 đồng (Mười triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 2.928.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2019/0001796 ngày 20/6/2019, số AA/2019/0001797 ngày 20/6/2019, số AA/2019/0001792 ngày 20/6/2019, số AA/2019/0001793 ngày 20/6/2019, số AA/2019/0001794 ngày 20/6/2019, số AA/2019/0001795 ngày 20/6/2019. Sau khi khấu trừ bà R còn phải nộp 7.786.000 đồng (*Bảy triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc